TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ TUYÊN QUANG** **TỈNH TUYÊN QUANG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 85/2024/QĐST-DS	*TP. Tuyên Quang, ngày 27 tháng 8 năm 2024*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào khoản 2 Điều 5; Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Căn cứ vào Điều 6; khoản 7 Điều 26; điểm b khoản 2 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH 14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào biên bản hòa giải thành ngày 20 tháng 8 năm 2023 về việc các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số: 36/2023/TLST- DS ngày 04 tháng 3 năm 2023.

XÉT THẤY:

Nội dung thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hòa giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thỏa thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

I. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự, giữa:

1. *Nguyên đơn:* Bà Trần Thị L (tên khác: *Trần Thị K*), sinh năm 1981; Thẻ CCCD số: 008181003106; Cấp ngày 17/8/2022; Nơi cấp: Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội - Bộ C; HKTT: Tổ dân phố A, phường A, thành phố T, tỉnh Tuyên Quang. Nơi ở hiện nay: Tổ dân phố H, phường H, quận D, thành phố Hải Phòng.

- *Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn:* Luật sư Phạm Tuấn A là thành viên Công ty L2 thuộc Đoàn Luật sư tỉnh P. Địa chỉ: Số nhà A, M, T, thành phố V, tỉnh Phú Thọ;

2. *Bị đơn*: Ông Trần Minh T, sinh năm 1976; Thẻ CCCD số: 008076011952; Cấp ngày 24/6/2021; Nơi cấp: Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội - Bộ C; Địa chỉ: Tổ dân phố A, phường A, thành phố T, tỉnh Tuyên Quang.

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan*

- Ông Trần Văn K1 (tên gọi khác: Trần Văn V), sinh năm 1978; Thẻ CCCD số: 008078006378; Cấp ngày 24/6/2021; Nơi cấp: Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội - Bộ C; Địa chỉ: Tổ dân phố A, phường A, thành phố T, tỉnh Tuyên Quang.

- Bà Nguyễn Thị T1, sinh năm 1972; Thẻ CCCD số: 008171004605; Cấp ngày 24/6/2021; Nơi cấp: Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội - Bộ C; Địa chỉ: Tổ dân phố A, phường A, thành phố T, tỉnh Tuyên Quang.

II. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể:

1. Diện tích đang tranh chấp là di sản của Bà Hoàng Thị T2, sinh năm 1952 (chết ngày 05/12/2012), có tổng diện tích là 461,2m^2, đã được chia tách theo Sơ đồ thửa đất, nhà ở và tài sản khác gắn với đất thể hiện trong Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BĐ853586; Số vào sổ cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất: CH000855/AT ngày 19/10/2011, tại tờ bản đồ số 22, thửa đất số 62 mang tên bà Hoàng Thị T2. Địa chỉ: Thôn T, xã A, thành phố T, tỉnh Tuyên Quang (Nay là tổ dân phố A, phường A, thành phố T, tỉnh Tuyên Quang. Vị trí tứ cận như sau:

+) Phía Bắc tiếp giáp với mặt đường bê tông đi vào khu dân cư;

+) Phía Nam tiếp giáp với diện tích đất của anh Trần Minh T nay đã chuyển quyền sử dụng đất và nhà ở cho ông Bùi Văn H;

+) Phía Đông tiếp giáp với diện tích đất của anh Trần Văn K1 dài;

+) Phía Tây tiếp giáp với diện tích đất của hộ gia đình ông Nguyễn Đình L1.

- Trị giá của diện tích đất là 300.000.000đ (Ba trăm triệu đồng)

2. *Các đương sự cùng nhất trí phân chia cho anh Trần Minh T và chị Trần Thị L Diện tích đất đang tranh chấp như sau:*

2.1. Chia cho anh Trần Minh T (phần thửa đất số 1) được xác định tại các điểm 1,2,8,10,11,12,1, có tổng diện tích là 256,0m^2. Vị trí ranh giới tứ cận: Phía Bắc giáp mặt đường bê tông; phía Nam tiếp giáp diện tích đất hộ ông Bùi Văn H; phía Đông tiếp giáp với diện tích đất của chị Trần Thị L; phía Tây tiếp giáp hộ ông Nguyễn Đình L1.

2.2. Chia cho chị Trần Thị L (phần thửa đất số 2) được xác định tại các điểm 2,3,4,5,6,7,8,2, có tổng diện tích là 205,2m^2. Vị trí ranh giới tứ cận: Phía Bắc giáp mặt đường bê tông; phía Nam tiếp giáp diện tích đất hộ ông Bùi Văn H; phía Đông tiếp giáp với diện tích đất của anh Trần Văn K1; phía Tây tiếp giáp diện tích đất của anh Trần Minh T.

2.3. Trong quá trình giải quyết vụ án, ngày 26/9/2023 Toà án đã tiến hành xem xét thẩm định tại chỗ đối với diện tích đất đang tranh chấp có vị trí, ranh giới thể hiện tại Mảnh trích đo hiện trạng thửa đất theo Hệ toạ độ V – 2000, khu vực tổ dân phố A, phường A, thành phố T, tỉnh Tuyên Quang, các bên đương sự cùng nhất trí với kết quả xem xét thẩm định tại chỗ của Toà án. Ngày 20/8/2024 tại phiên họp hoà giải các bên đương sự cùng nhất trí Diện tích đất đang tranh chấp sẽ được phân chia cho anh Trần Minh T và chị Trần Thị L thể hiện tại tiểu mục 2.1; 2.2 và không đề nghị Toà án tiến hành định giá tài sản. Để đảm bảo quyền lợi cho các bên đương sự đã được phân chia di sản là quyền sử dụng đất, Toà án nhân dân thành phố Tuyên Quang đã yêu cầu Trung tâm K2, tỉnh Tuyên Quang biên tập bổ sung sơ đồ do cơ quan chuyên môn cung cấp ngày 20/6/2024 theo đúng sự thoả thuận của các đương sự tại Biên bản hoà giải thành ngày 20/8/2024.

3. Về lệ phí, chi phí: Chị Trần Thị L đã tự nguyện nộp đủ 10.089.426đ (*Mười triệu không trăm tám mươi chín nghìn bốn trăm hai mươi sáu đồng*) tiền xem xét thẩm định tại chỗ và 3.395.000 đồng *(Ba triệu, ba trăm chín mươi lăm nghìn đồng)* tiền chi phí biên tập bổ sung mảnh trích đo hiện trạng thửa đất đã được phân chia.

4. Về án phí: Chị Trần Thị L, anh Trần Minh T tự nguyện nộp án phí tương ứng với giá trị phần di sản mà họ được chia. Cụ thể:

- Chị Trần Thị L phải nộp 5.000.000đ *(Năm triệu đồng)* tiền án phí dân sự sơ thẩm, được đối trừ vào số tiền tạm ứng án phí 5.000.000 đồng *(Năm triệu đồng)* chị L đã nộp theo biên lai thu số 0000755 ngày 31/3/2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Tuyên Quang, tỉnh Tuyên Quang.

- Anh Trần Minh T phải nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm 2.500.000đ *(Hai triệu năm trăm nghìn đồng)* tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Tuyên Quang, tỉnh Tuyên Quang.

5. Kể từ ngày Quyết định Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự có hiệu lực thi hành (*ngày 27/8/2024*), sau khi anh T, chị L đã nộp đủ khoản tiền án phí dân sự sơ thẩm. Chị Trần Thị L và anh Trần Minh T có quyền đến Văn phòng Đ – Chi nhánh Thành phố T làm thủ tục đăng ký kê khai quyền sử dụng đất thể hiện tại tiểu mục 2.1; 2.2 *(có kèm theo sơ đồ biên tập mảnh trích đo hiện trạng thửa đất đã được phân chia*).

6. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

7. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án, hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, 7a,7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
-TAND tỉnh Tuyên Quang;
-VKSND – TP Tuyên Quang;
-UBND phường An Tường;
- Chi cục THADS TP Tuyên Quang;
- Phòng TN&MT-TP Tuyên Quang;
- Chi nhánh VPĐKĐĐ TP Tuyên Quang;
- Các đương sự;
- Lưu Hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Vũ Thu Hiền